

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 10 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Út Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

Bà **Phạm Kiều Diễm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Quàng** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà **Mai Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phan Le Y** (Phan Thanh D), sinh năm 1970.

Đại chỉ: 4393 B Kentwood MI 49512 USA.

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Mỹ D**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp L, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ông Phan Le Y trình bày: Vào năm 2017, thông qua mai mối ông có quen biết và kết hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ D, được Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/7/2017. Sau khi kết hôn, ông và bà D sống hòa thuận được một thời gian thì ông trở về Hoa Kỳ, bà D về sống chung với mẹ ông tại số 2, ấp Ninh An, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Thời gian hòa thuận không

được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn; từ tháng 6/2018, bà D đã bỏ đi và sinh sống ở đâu ông không biết. Hiện tại, quan hệ giữa ông và bà D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

- Về hôn nhân: Cho ông được ly hôn với bà D.
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Phan Le Y (Phan Thanh D) kết hôn với nhau, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà và ông Dũng không hợp nhau, không còn tình cảm yêu thương nhau. Nay bà D có ý kiến:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với ông Phan Le Y (Phan Thanh D).
- Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Đồng thời bà D đề nghị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn và bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phan Lê Y và bà Huỳnh Thị Mỹ D đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Phan Le Y và bà Huỳnh Thị Mỹ D là hôn nhân hợp pháp, đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2017, theo thẩm quyền đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn giữa ông Phan Le Y và bà Huỳnh Thị Mỹ D là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Phan Le Y và bà Huỳnh Thị

Mỹ D đã không sống cùng nhau trong thời gian dài, theo văn bản trình bày các bên đều xác định không còn tình cảm với nhau, bà D đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Young.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông Phan Le Y và bà Huỳnh Thị Mỹ D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Le Y được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ D.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Phan Le Y và bà Huỳnh Thị Mỹ D đều xác nhận không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Phan Le Y phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí ông Phan Le Y đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu của Cơ quan Thi hành án.

[5]. Chi phí tố tụng khác: Ông Phan Le Y nộp chi phí đăng thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.000.000 đồng, đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Le Y (Phan Thanh D).

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Le Y (Phan Thanh D) được ly hôn với bà Huỳnh Thị Mỹ D.

2. Về quan hệ con chung: Không có con chung, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, nợ chung, nên không xem xét.

4. Về án phí: Ông Phan Le Y nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp (do ông Lê Bá C nộp thay) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0001354 ngày 22/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Chi phí tố tụng khác: Ông Phan Le Y nộp chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền 3.000.000 đồng, đã nộp xong.

6. Quyền kháng cáo: Ông Phan Le Y có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Huỳnh Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND huyện Phú Quốc;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn